

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/DS-ST.
Ngày 07-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-DS ngày 02/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trịnh Văn A, sinh năm 1954.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Cùng có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H đều trình bày:

Vào ngày 14/9/2013, ông Phạm Văn T và vợ là Nguyễn Thị Kim H thuê cơ sở nấu ăn của ông bà để đặt tiệc cưới cho con gái. Đãi tiệc tại nhà ông T, bà H ở ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tổng cộng 42 bàn (gồm 41 bàn mặn và 01 bàn chay), với giá 01 bàn mặn là 1.500.000 đồng, 01 bàn chay giá 600.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 62.100.000 đồng. Ông T, bà H đưa trước 10.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi đãi tiệc xong 05 ngày thì ông T bà H thanh toán số tiền còn lại. Cơ sở nấu ăn của ông bà đã thực hiện xong việc nấu ăn phục vụ đám cưới của con ông T, bà H như thỏa thuận nhưng phía ông T, bà H không trả số tiền còn lại. Ông, bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông T, bà H không trả và đến ngày 27/10/2013, ông T viết giấy thừa nhận có nợ cơ sở nấu ăn của ông, bà số tiền 52.100.000 đồng và hẹn đến ngày 15/11/2013 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông, bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải trả cho vợ chồng ông số tiền 52.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H hiện vắng mặt tại nơi cư trú thuộc ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T, bà H không nộp bản tự khai, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 518, 520, 523, 524 của Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà H khi thuê dịch vụ nấu ăn của ông A, bà H để tổ chức tiệc cưới cho con gái ông bà và sau khi ông A, bà H thực hiện xong hợp đồng thì

ông T, bà H vẫn cư trú tại ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ông T, bà H chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nhưng vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo cho ông A, bà H biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do đó Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Ông T, bà H vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về nội dung: Ông A bà H yêu cầu ông T, bà H trả 52.100.000 đồng tiền thuê dịch vụ nấu ăn vì cơ sở nấu ăn của ông bà đã thực hiện xong hợp đồng theo thỏa thuận nhưng phía ông T, bà H chưa thanh toán. Ông T, bà H không nộp bản tự khai, không đến Tòa án trình bày ý kiến do đó không thể hiện được nguyện vọng của ông T, bà H. Bên nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm giấy nhận nợ ngày 27/10/2013 có nội dung *“Tôi tên Phạm Văn T sinh năm 1966 số chứng minh nhân dân 290373196 cấp ngày 10/2/2009 ngụ tại ấp Sóc Lào, xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh” có nợ bà Trần Thị H ... số tiền 52.100.000đ (năm mươi hai triệu một trăm nghìn đồng). Tôi hẹn đến 15/11/2013 tôi đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho bà Trần Thị H ...”* do ông T viết và ký tên. Tại Kết luận giám định số 1671/C54B ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Chữ ký mang tên Phạm Văn T và chữ viết họ tên Phạm Văn T dưới mục “Người nợ” trên tài liệu có nội dung bắt đầu “tôi tên Phạm Văn T ...” và kết thúc “... Phạm Văn T” đề ngày 27 tháng 10 năm 2013 so với chữ ký chữ viết trên tài liệu so sách là “Hợp đồng thế chấp tài sản số 135/2012/HĐTC đề ngày 29/3/2012” là do cùng một người ký và viết ra”*. Hợp đồng thế chấp tài sản số 135/2012/HĐTC đề ngày 29/3/2012 do vợ chồng ông T, bà H ký tên thế chấp đã được công chứng và lưu tại Văn phòng công chứng T nay đổi tên là Văn phòng công chứng C. Ngoài ra theo kết quả xác minh thể hiện: Vào năm 2013, vợ chồng ông T, bà H có tổ chức đám cưới cho con gái tên Phạm Mỹ T và có thuê dịch vụ nấu ăn ở huyện D, tỉnh Bình Dương. Cơ sở nấu ăn đã thực hiện xong việc nấu ăn phục vụ đám cưới.

Từ cơ sở nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bên bị đơn có nghĩa vụ trả cho bên nguyên đơn số tiền 52.100.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 524 của Bộ luật Dân sự 2005. Ghi nhận ông A, bà H không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông T, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Tiền chi phí giám định là 1.600.000 đồng (gồm chi phí giám định 1.200.000 đồng và chi phí giao nhận hồ sơ giám định 400.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy kết quả giám định là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc ông T, bà H phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông A, bà H đã nộp xong nên buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả lại cho ông A, bà H số tiền chi phí giám định là 1.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 524 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng dịch vụ của ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H đối với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H số tiền 52.100.000 (năm mươi hai triệu một trăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H số tiền chi phí giám định là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

4. Án phí: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 2.605.000 (hai triệu sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông Trịnh Văn A và bà Trần Thị H 1.302.500 (một triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008462 ngày 08/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường